

PHỤ LỤC

**DỰ KIẾN KINH PHÍ TĂNG THÊM KHI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THỰC HIỆN
CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG MA TÚY TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức đề nghị				Mức hiện đang thực hiện		Chênh lệch	
			Định mức (1.000đ)	Thời gian	Số lượng người	Thành tiền (1.000đ)	Định mức	Thành tiền		
1	Hỗ trợ chuyên giao người sử dụng trái phép chất ma túy về Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền quản lý (Dự kiến số lượng: 100 người)						411.000	0	0	411.000
1.1	Tiền ăn	người/ngày	70	Tối đa 03 ngày	100	21.000			21.000	
1.2	Tiền thuê phòng nghỉ	người/ngày	300	Tối đa 03 ngày	100	90.000			90.000	
1.2	Thuê phương tiện	Lần chuyển giao	1.000		100	300.000			300.000	
2	Chế độ đối với người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy tại các cơ sở y tế đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện ma túy						458.800	0	0	458.800
2.1	Tiền ăn	người/ngày	48 (0,8x1.800) /30	Tối đa 05 ngày	400	96.000			96.000	
2.2	Tiền điện, nước, đồ dùng sinh hoạt cá nhân hàng ngày	người/lần	350	Theo lần	400	140.000			140.000	
2.3	Chi phí điều trị hội chứng cai và các bệnh kèm theo (nếu có)	người/lần	500	Theo lần	400	200.000			200.000	

2.4	Hỗ trợ chi phí mai táng	người/lần	7.600 (20x380)	Theo lần	3	22.800			22.800
3	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với người nghiện ma túy bị quản lý trong thời gian làm thủ tục đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc chết mà không có thân nhân hoặc thân nhân không đến nhận trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đối tượng chết (Dự kiến số lượng: 02 người)					22.800	0	0	22.800
	Chi phí mai táng	người/lần	7.600 (20x380)	Theo lần	3	22.800			22.800
4	Hỗ trợ chi phí học nghề ngắn hạn đối với người cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh (dự kiến số lượng: 150)					400.000	0	250.000	150.000
	Chi phí học nghề ngắn hạn	người/khóa học	4.000	Theo lần	100	400.000		250.000	150.000
5	Chế độ hỗ trợ thực hiện công tác cai nghiện ma túy tự nguyện					12.931.227	0	0	12.931.227
5.1	Hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh (Dự kiến: 300 lượt đối tượng, 150 đối tượng bình quân)					432.800		0	432.800
5.1	Tiền điện, nước sinh hoạt (150đtgbQ)	Người/tháng	100	12 tháng	150	180.000			180.000
5.2	Hoạt động văn thể (300 lượt đtg)	Người/lần	100	Theo lần	300	30.000			30.000
5.3	Hỗ trợ chi phí mai táng	người/lần	7.600 (20x380)	Theo lần	3	22.800			22.800
5.4	Chi phí học nghề ngắn hạn	người/khóa học	4.000	Theo lần	50	200.000			200.000
5.2	Hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi thực hiện dịch vụ cai nghiện tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh.					22.800	0	0	22.800
	Chi phí mai táng	người/lần	7.600 (20x380)	Theo lần	3	22.800			22.800

5.3	<i>Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho đơn vị sự nghiệp công lập để bảo đảm về cơ sở vật chất, chi phí vật tư, công cụ dụng cụ, máy móc trang thiết bị và nhân sự thực hiện công tác cai nghiện ma túy tự nguyện theo quy định</i>					12.475.627	0	0	12.475.627
a	<i>Chi phí nhân công, chi quản lý</i>	<i>Học viên/ năm</i>	46.341	<i>Theo năm</i>	<i>250HV/ năm</i>	11.585.138	-	-	11.585.138
b	<i>Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ</i>	<i>Học viên/ năm</i>	3.562	<i>Theo năm</i>	<i>250HV/ năm</i>	890.489	-	-	890.489
6	Hỗ trợ đối với người không thuộc trường hợp hưởng lương từ ngân sách nhưng được phân công trực tiếp giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 42 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP					2.030.400	0	0	2.030.400
	Người không thuộc trường hợp hưởng lương từ ngân sách nhà nước được giao nhiệm vụ trực tiếp tư vấn, động viên, giáo dục, giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý; người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy	Người/tháng	720	12 tháng	235	2.030.400			2.030.400
Tổng cộng						16.254.227	0	250.000	16.004.227

#REF!